

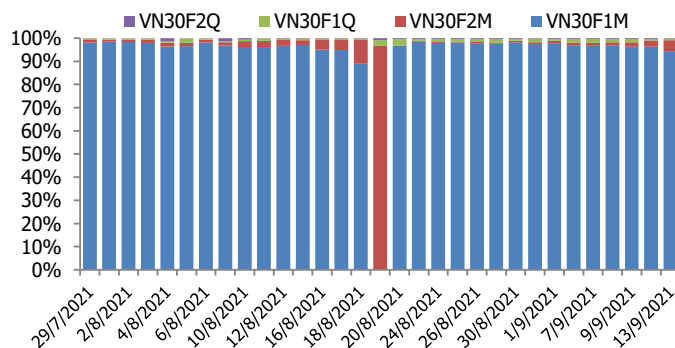
## BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



## THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ               | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI     |
|------------------|--------------|---------|----------|--------|
| <b>VN30F2109</b> | 16/9/2021    | 3       | 1442.00  | 32,243 |
| <b>VN30F2110</b> | 21/10/2021   | 38      | 1439.80  | 1,569  |
| <b>VN30F2112</b> | 16/12/2021   | 94      | 1435.00  | 211    |
| <b>VN30F2203</b> | 17/3/2022    | 185     | 1438.00  | 109    |

## TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Áp lực bán mạnh trong phiên chiều khiến cả 4 HĐTL quay đầu điều chỉnh với mức giảm từ 5,1 đến 24,3 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 3,89 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng suy yếu so với phiên trước đó. Cụ thể, basis của VN30F2109 giảm xuống -2,99 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2110 cũng giảm xuống -5,19 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay tiếp tục giảm 11,1% so với phiên liền trước, đạt 132.392 hợp đồng được khớp lệnh.
- Sự thiếu đồng thuận của bộ 3 trụ cột ngân hàng - chứng khoán - thép là nhân tố chính khiến thị trường chưa thể chinh phục thành công mốc 1350 điểm. Dòng tiền đã tích cực hơn và tăng đáng kể so với 3 phiên trước đó, trong khi nhóm smallcap tiếp tục tăng điểm để lập đỉnh cao mới thì nhóm midcap chưa test đỉnh thành công. Hiện nhóm cổ phiếu được kỳ vọng sẽ hưởng lợi khi các biện pháp giãn cách được nới lỏng tiếp tục tăng mạnh mẽ như hàng không, bán lẻ,...
- Diễn biến intraday của thị trường phái sinh khá giằng co, song tình hình vẫn khá khả quan khi tại các khung 1h, 4h, giá vẫn nằm trong xu hướng tăng và chưa có dấu hiệu kết thúc điều này. Kháng cự hiện tại của giá hiện nằm quanh 1449-1453 điểm và nếu vượt được ngưỡng này, tình hình sẽ rất khả quan. Do đó, nhà đầu tư có thể áp dụng chiến lược giao dịch trong biên độ, ưu tiên mở vị thế mua với các nhịp vống xuống của thị trường. Ngưỡng hỗ trợ trong ngắn hạn là vùng 1437-1440 điểm. Trong khi đó, vị thế Short có thể được kích hoạt tại các ngưỡng kháng cự tiềm năng 1453; 1462 và 1468 điểm.

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

### Chiến lược giao dịch trong ngày

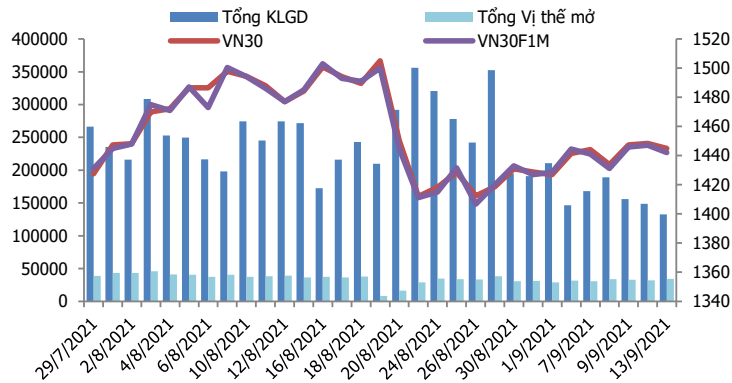
Ưu tiên mở vị thế mua với các nhịp vống xuống của thị trường. Ngưỡng hỗ trợ trong ngắn hạn là vùng 1437-1440 điểm. Trong khi đó, vị thế Short ngắn có thể được kích hoạt tại các ngưỡng kháng cự tiềm năng 1453; 1462 và 1468 điểm.

### Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Thị trường đang xuất hiện những nhịp tăng giảm đan xen không phù hợp với chiến lược giữ vị thế qua đêm.

### Chiến lược giao dịch spread

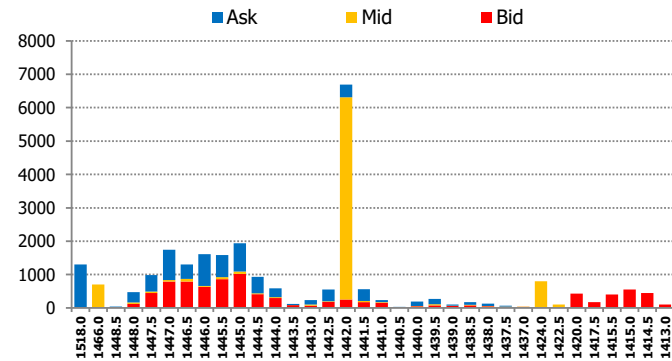
Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



**DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐT L CÁC KỲ HẠN**

| Hợp đồng    | Giá    | % Chg | KLGD    | % Chg | OI     | % Chg |
|-------------|--------|-------|---------|-------|--------|-------|
| VN30F2109   | 1442.0 | -0.35 | 130,805 | -11.6 | 32,243 | 4.2   |
| VN30F2110   | 1439.8 | -0.35 | 1,520   | 109.7 | 1,569  | 82.2  |
| VN30F2112   | 1435.0 | -1.67 | 44      | 69.2  | 211    | 1.0   |
| VN30F2203   | 1438.0 | -0.46 | 23      | -68.1 | 109    | 0.0   |
| <b>Tổng</b> |        |       | 132,392 | -11.1 | 34,132 | 6.3   |

**THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M**



**NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐT L**

- Áp lực bán mạnh trong phiên chiều khiến cả 4 HĐT L quay đầu điều chỉnh với mức giảm từ 5,1 đến 24,3 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 3,89 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng suy yếu so với phiên trước đó.
- Thanh khoản thị trường phái sinh tiếp tục giảm so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt 132.392 hợp đồng, giảm 11,1%. Trong đó, thanh khoản tập trung tại hợp đồng tương lai tháng 9 với 130.805 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2109 là 1445,14 điểm (cao hơn 3,14 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2110 là 1446,93 điểm (+7,13 điểm), VN30F2112 là 1449,80 điểm (+14,80 điểm) và VN30F2203 là 1454,48 điểm (+16,48 điểm).

**XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M**

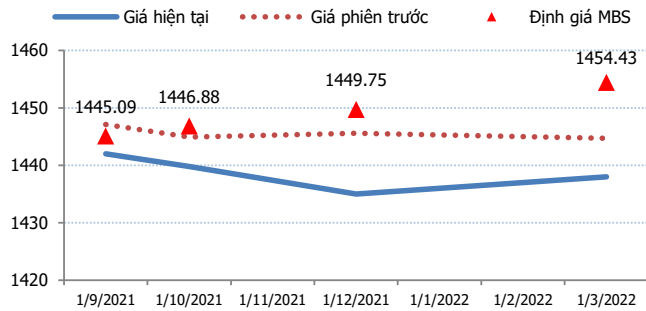
| Khung thời gian | 15m              | 1h               | Daily            |
|-----------------|------------------|------------------|------------------|
| <b>Tổng kết</b> | <b>SELL</b>      | <b>BUY</b>       | <b>SELL</b>      |
| <b>Hỗ trợ</b>   | <b>1437-1440</b> | <b>1429-1432</b> | <b>1398-1405</b> |
| <b>Kháng cự</b> | <b>1446-1449</b> | <b>1458-1462</b> | <b>1508-1512</b> |

**ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M**



| Spread HĐTL       | Hiện tại | Phiên trước | +/-    | MA5   |
|-------------------|----------|-------------|--------|-------|
| VN30F2M - VN30F1M | -2.2     | -2.20       | -2E-13 | -3.32 |
| VN30F1Q - VN30F1M | -7       | -1.50       | -5.5   | -3.48 |
| VN30F1Q - VN30F2M | -4.8     | 0.70        | -5.5   | -0.16 |
| VN30F2Q - VN30F1M | -4       | -2.40       | -1.6   | -2.94 |
| VN30F2Q - VN30F2M | -1.8     | -0.20       | -1.6   | 0.38  |
| VN30F2Q - VN30F1Q | 3        | -0.90       | 3.9    | 0.54  |

**ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN**



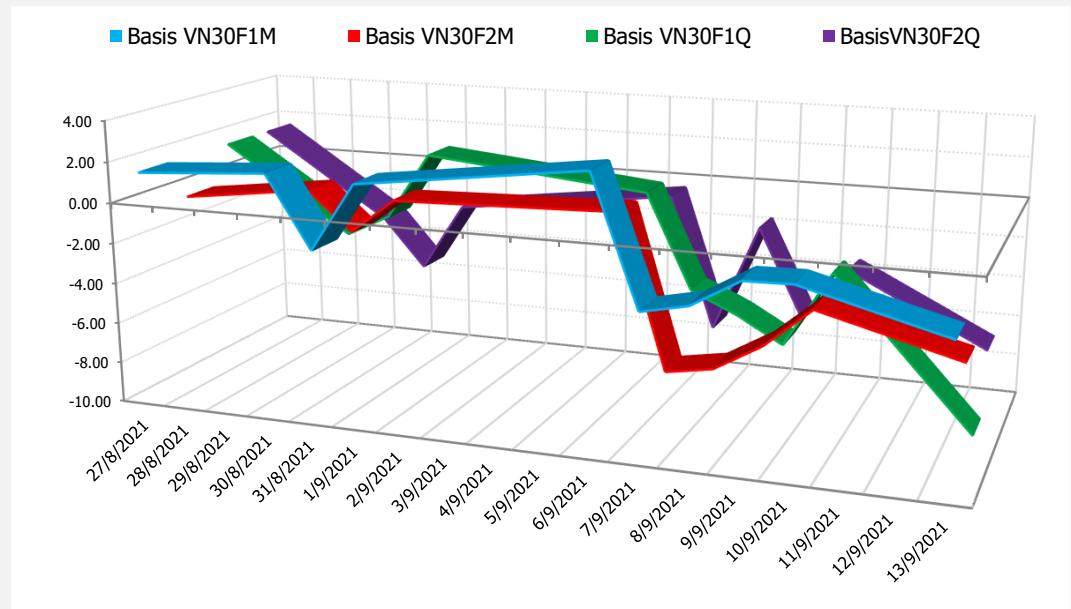
**DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M**



**NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL**

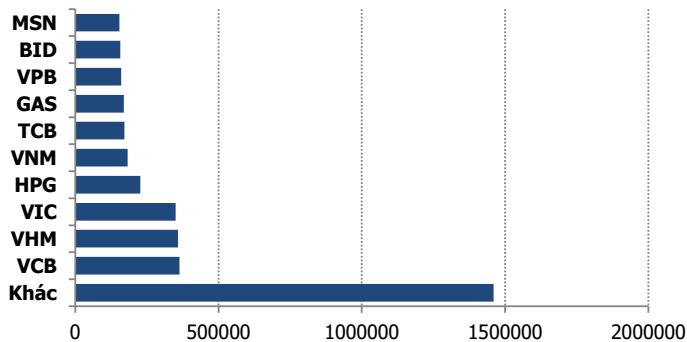
- Áp lực bán mạnh trong phiên chiều khiến cả 4 HĐTL quay đầu điều chỉnh với mức giảm từ 5,1 đến 24,3 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 3,89 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng suy yếu so với phiên trước đó. Cụ thể, basis của VN30F2109 giảm xuống -2,99 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2110 cũng giảm xuống -5,19 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng giảm, hiện nằm trong khoảng -7 điểm đến +3 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2110-VN30F2109) tăng lên -2,2 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

**DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL**

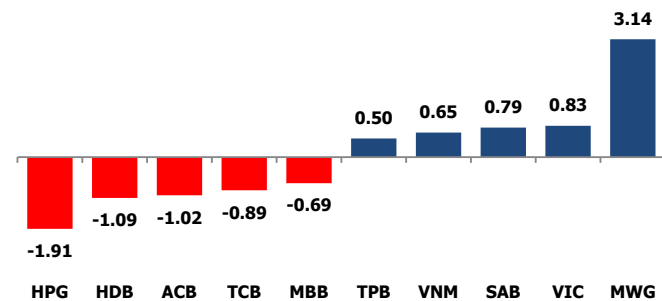


|                       | VNIndex  | VN30     |
|-----------------------|----------|----------|
| Đóng cửa              | 1341.43  | 1444.99  |
| Thay đổi              | -3.88    | -3.34    |
| %Chg                  | -0.29    | -0.23    |
| YTD                   | 21.52    | 34.95    |
| Vốn hóa (ngh.tỷ đồng) | 5,120.15 | 3,754.29 |
| P/E                   | 16.06    | 14.57    |
| P/B                   | 2.58     | 2.93     |

**TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30**



**CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX**



**NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30**

- Số mã giảm áp đảo ở rổ VN30 với 21 mã. GVR lao dốc hơn 4% và là mã giảm mạnh nhất nhóm này. HDB, BVH, PDR, PNJ, POW là những mã lùi hơn 2% và nhiều cổ phiếu hiện sắc đỏ hơn 1%. Bên cạnh SAB thì MWG là Large Cap tạo điểm nhấn lớn trong phiên khi vượt 5%, TPB và KDH tăng nhẹ trên 1%.

Chốt phiên, chỉ số VN30 giảm 3,34 điểm (-0,23%) xuống 1444,99 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 170,68 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 8.862 tỷ đồng.

Diễn biến giao dịch khối ngoại chưa cho thấy dấu hiệu đảo chiều khi duy trì bán ròng 289 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong khi bộ đôi VIC và VHM tiếp tục chịu áp lực bán ròng với giá trị lần lượt là 182 tỷ đồng và 162 tỷ đồng. Xếp tiếp theo lần lượt là HPG (78 tỷ đồng), MSN (53 tỷ đồng), HCM (40 tỷ đồng)...

**ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30**



| Chỉ số            | Điểm số   | %Chg   | P/E   | YTD    |
|-------------------|-----------|--------|-------|--------|
| <b>VNIIndex</b>   | 1,341.43  | (0.29) | 16.06 | 21.52  |
| <b>Dow Jones</b>  | 34,869.63 | 0.76   | 21.09 | 13.93  |
| <b>S&amp;P500</b> | 4,468.73  | 0.23   | 26.76 | 18.97  |
| <b>Nikkei 225</b> | 30,547.80 | 0.33   | 17.62 | 11.31  |
| <b>Shanghai</b>   | 3,715.37  | 0.33   | 15.84 | 6.98   |
| <b>DAX</b>        | 15,701.42 | 0.59   | 17.97 | 14.45  |
| <b>Vàng</b>       | 1,792.32  | (0.08) |       | (5.59) |
| <b>Dầu WTI</b>    | 70.51     | 0.09   |       | 45.32  |

**LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI**

|                                 | Kỳ trước | Dự báo | Thực tế |
|---------------------------------|----------|--------|---------|
| <b>Thứ Hai - 13/09/2021</b>     |          |        |         |
| Mỹ- Báo cáo hàng tháng OPEC     |          |        |         |
| <b>Thứ Ba - 14/09/2021</b>      |          |        |         |
| Mỹ- CPI lõi                     | 0.30%    | 0.30%  |         |
| <b>Thứ Tư - 15/09/2021</b>      |          |        |         |
| Trung Quốc- Sản lượng CN        | 6.4%     | 5.8%   |         |
| Mỹ- Dự trữ dầu thô              | -1.529M  |        | -3.903M |
| <b>Thứ Năm - 16/09/2021</b>     |          |        |         |
| Mỹ- Đề nghị trợ cấp thất nghiệp | 310K     | 328K   |         |
| <b>Thứ Sáu - 17/09/2021</b>     |          |        |         |
| EU-CPI                          | 2.20%    | 3.00%  |         |
| <b>Thứ Hai - 13/09/2021</b>     |          |        |         |
|                                 |          |        |         |

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI**

- Chỉ số Dow Jones khởi sắc vào ngày thứ Hai (13/9) khi chỉ số này phục hồi sau mạch giảm 5 phiên liên tiếp. Đóng cửa, chỉ số Dow Jones tiến 261,91 điểm (tương đương 0,8%) lên 34.869,63 điểm. Chỉ số S&P 500 cộng 0,2% lên 4.468,73 điểm. Cả 2 chỉ số này đều khép phiên với sắc xanh lần đầu tiên trong 6 phiên qua.
- Giá dầu tăng lên mức cao nhất 6 tuần, do sản lượng của Mỹ vẫn chậm lại trong 2 tuần trở lại sau khi cơn bão Ida đổ bộ vào Bờ Vịnh và mối lo ngại 1 cơn bão khác có thể ảnh hưởng đến sản lượng tại Texas trong tuần này. Chốt phiên giao dịch ngày 13/9, dầu thô Brent tăng 59 US cent tương đương 0,8% lên 73.51 USD/thùng.
- Giá vàng tăng khi số liệu kinh tế quan trọng của Mỹ được công bố bao gồm chỉ số lạm phát có thể quyết định hướng đi của chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ. Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0,3% lên 1.792,05 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 12/2021 trên sàn New York tăng 0,1% lên 1.794,4 USD/ounce.

**NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30**

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 HPG, HDB và ACB là những tác nhân chính khiến chỉ số VN30 đảo chiều giảm điểm. Trong đó, HPG lấy đi 1,91 điểm của chỉ số VN30.



**DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30**

| Cổ phiếu | Ngành  | Tỷ trọng (%) | Giá     | %Chg  | H-L   | GTGD     | Điểm tác động | PE     | PB   |
|----------|--|--------------|---------|-------|-------|----------|---------------|--------|------|
| HPG      | Metals & Mining                                      | 9.61         | 50,800  | -1.36 | 1.58% | 1389.249 | -1.91         | 9.05   | 3.08 |
| TCB      | Banks  | 8.57         | 48,950  | -0.71 | 1.12% | 334.323  | -0.89         | 10.61  | 2.06 |
| VPB      | Banks  | 7.95         | 64,800  | 0.31  | 2.01% | 484.64   | 0.36          | 12.83  | 2.65 |
| VIC      | Real Estate Management & Development                 | 7.58         | 92,000  | 0.77  | 1.97% | 168.97   | 0.83          | 52.08  | 3.84 |
| ACB      | Banks  | 5.63         | 31,900  | -1.24 | 1.25% | 166.705  | -1.02         | 8.89   | 2.13 |
| VNM      | Food Products  | 5.60         | 87,200  | 0.81  | 1.27% | 257.425  | 0.65          | 19.07  | 5.76 |
| FPT      | Electronic Equipment, Instruments & Components       | 5.51         | 93,000  | -0.53 | 1.18% | 149.154  | -0.43         | 21.97  | 5.03 |
| VHM      | Real Estate Management & Development                 | 5.44         | 107,000 | -0.47 | 1.22% | 1055.58  | -0.37         | 10.67  | 3.67 |
| MBB      | Banks  | 4.46         | 27,900  | -1.06 | 1.98% | 386.118  | -0.69         | 10.09  | 1.98 |
| MWG      | Specialty Retail                                     | 4.45         | 125,000 | 5.13  | 5.22% | 278.833  | 3.14          | 19.45  | 4.88 |
| MSN      | Food Products  | 4.15         | 130,600 | 0.46  | 1.46% | 165.883  | 0.28          | 101.95 | 9.49 |
| NVL      | Real Estate Management & Development                 | 4.08         | 103,000 | -0.29 | 0.68% | 264.365  | -0.17         | 28.64  | 4.51 |
| STB      | Banks  | 3.54         | 26,900  | -1.10 | 1.87% | 287.868  | -0.57         | 14.00  | 1.60 |
| VCB      | Banks  | 3.08         | 98,100  | -1.11 | 0.92% | 102.764  | -0.50         | 17.73  | 3.47 |
| HDB      | Banks  | 2.70         | 25,200  | -2.70 | 2.98% | 69.756   | -1.09         | 9.54   | 1.92 |
| VJC      | Airlines   | 2.66         | 128,000 | -1.39 | 1.41% | 131.903  | -0.54         | 56.74  | 4.58 |
| SSI      | Capital Markets                                      | 2.14         | 43,600  | -0.46 | 2.58% | 520.135  | -0.14         | 23.43  | 3.81 |
| TPB      | Banks  | 1.88         | 38,100  | 1.87  | 3.75% | 264.396  | 0.50          | 9.07   | 2.01 |
| CTG      | Banks  | 1.77         | 31,850  | -1.39 | 1.73% | 271.172  | -0.36         | 9.32   | 1.65 |
| VRE      | Real Estate Management & Development                 | 1.57         | 27,900  | -0.36 | 1.62% | 131.593  | -0.08         | 23.35  | 2.08 |
| PNJ      | Textiles, Apparel & Luxury Goods                     | 1.29         | 92,000  | -2.13 | 3.07% | 44.63    | -0.40         | 15.83  | 3.66 |
| KDH      | Real Estate Management & Development                 | 1.28         | 41,250  | 1.73  | 2.71% | 218.96   | 0.32          | 20.98  | 2.97 |
| PDR      | Capital Markets                                      | 1.20         | 80,500  | -2.19 | 3.23% | 273.901  | -0.39         | 27.76  | 7.02 |
| SAB      | Food Products  | 0.88         | 161,500 | 6.67  | 4.12% | 152.177  | 0.79          | 22.14  | 4.97 |
| GAS      | Gas Utilities  | 0.65         | 88,600  | 0.00  | 1.35% | 54.683   | 0.00          | 21.73  | 3.63 |
| PLX      | Oil, Gas & Consumable Fuels                          | 0.63         | 50,300  | -0.40 | 1.59% | 61.013   | -0.04         | 15.64  | 2.57 |
| BID      | Banks  | 0.48         | 39,150  | -1.26 | 1.67% | 68.079   | -0.09         | 15.89  | 1.94 |
| GVR      | Real Estate Management & Development                 | 0.46         | 37,700  | -4.07 | 4.80% | 286.532  | -0.29         | 31.94  | 3.11 |
| POW      | Independent Power and Renewable Electricity Producer | 0.43         | 11,850  | -2.07 | 2.53% | 124.535  | -0.13         | 10.99  | 0.93 |
| BVH      | Beverages  | 0.31         | 54,600  | -2.50 | 2.56% | 52.269   | -0.12         | 21.65  | 1.94 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30                      | Đặc điểm sản phẩm   |
|-----|---|---|
| 1   | <b>Mã hợp đồng</b>                              | VN30F-yy-mm   |
| 2   | <b>Tài sản cơ sở</b>                            | Chỉ số cổ phiếu VN30  |
| 3   | <b>Hệ số nhân hợp đồng</b>                      | 100.000 đồng  |
| 4   | <b>Quy mô 01 hợp đồng</b>                       | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30   |
| 5   | <b>Tháng đáo hạn</b>                            | - Tháng hiện tại<br>- Tháng tiếp theo<br>- Hai tháng cuối 2 quý gần nhất  |
| 6   | <b>Phương thức giao dịch</b>                    | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận   |
| 7   | <b>Thời gian giao dịch</b>                      | <b>GD Khớp lệnh định kỳ</b> - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45   |
|     | <b>GD khớp lệnh liên tục</b>                    | - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30  |
|     | <b>GD Thỏa thuận</b>                            | - 08h45 - 14h45   |
| 8   | <b>Các loại lệnh giao dịch</b>                  | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.  |
| 9   | <b>Nguyên tắc khớp lệnh</b>                     | Ưu tiên giá và thời gian.   |
| 10  | <b>Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh</b>      | 01 hợp đồng   |
| 11  | <b>Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh</b>         | 500 hợp đồng  |
| 12  | <b>Đơn vị yết giá/ Bước giá</b>                 | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng   |
| 13  | <b>Biên độ dao động</b>                         | +/- 7%  |
| 14  | <b>Ngày giao dịch cuối cùng</b>                 | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.  |
| 15  | <b>Ngày thanh toán cuối cùng</b>                | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.  |
| 16  | <b>Phương thức thanh toán</b>                   | Thanh toán bằng tiền  |
| 17  | <b>Giá thanh toán hàng ngày</b>                 | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.   |
| 18  | <b>Giá thanh toán cuối cùng</b>                 | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.   |
| 19  | <b>Giá tham chiếu</b>                           | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.  |
| 20  | <b>Mở tài khoản</b>                             | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.                                    |
| 21  | <b>Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK</b> | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng   |
| 22  | <b>Mức ký quỹ ban đầu</b>                       | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23  | <b>Mức ký quỹ duy trì</b>                       | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.  |
| 24  | <b>Ký quỹ bổ sung</b>                           | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.  |
| 25  | <b>Thoát khỏi hợp đồng tham gia</b>             | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.   |

## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

## MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội  
Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601  
[Webiste: www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)  
Hotline: **1900 9088**

## KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

|                |                          |  |
|----------------|--------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | <a href="mailto:son.tranhoang@mbs.com.vn">son.tranhoang@mbs.com.vn</a> |
| Phạm Văn Quỳnh | Chuyên viên nghiên cứu   | <a href="mailto:quynh.phamvan@mbs.com.vn">quynh.phamvan@mbs.com.vn</a> |
| Nguyễn Hòa Hợp | Chuyên viên nghiên cứu   | <a href="mailto:hop.nguyenhoa@mbs.com.vn">hop.nguyenhoa@mbs.com.vn</a> |